

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 01 tháng 10 năm 2012

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 01 tháng 10 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây quá hạn và đã được lập dự phòng theo quy định hiện hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

28.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

31 tháng 03 năm

2013	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	49,171,894,774			49,171,894,774
Phải trả người bán	9,652,300,411			9,652,300,411
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	3,475,104,010			3,475,104,010
	62,299,299,195	0	0	62,299,299,195

01 tháng 01 năm

2013				
Các khoản vay và nợ	56,166,079,819			56,166,079,819
Phải trả người bán	11,475,540,652			11,475,540,652
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	9,915,697,735			9,915,697,735
	77,557,318,206	0	0	77,557,318,206

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tiếp tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 09 thuyết minh vay ngắn hạn và vay dài hạn).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 01 tháng 01 năm 2012.

29. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn	cổ phần Nhà nước	Chi trả cổ tức - Phải trả khác	1,440,000,000	
Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn	Công ty liên kết	Trả tiền mua NVL Thu tiền bán hàng cho SDC	2,877,900,300	-
		Nhận cổ tức SDC	1,379,772,000	

2. Ảnh hưởng của Thông tư 201 đến các báo cáo tài chính năm hiện hành

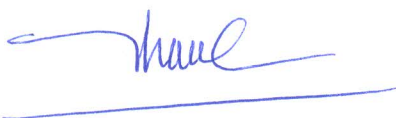
Trong kỳ kê toán từ 01/01/2013 đến 31/03/2013, Công ty áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo Thông tư 201, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong VAS 10. Ảnh hưởng như sau:

Bảng cân đối kế toán	Thông tư 201	VAS 10	Chênh lệch
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-	-
Lãi CLTG thuần ghi nhận vào KQKD	-	-	-

TP.HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Thị Mỹ Thạnh

Thái Thanh Thủy



Lê Hữu Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2013	16,189,452,947	27,940,927,923	3,304,220,714	306,811,147	47,741,412,731
Mua trong kỳ					-
ĐT XD CB hoàn thành		1,057,162,013			1,057,162,013
Thanh lý, nhượng bán		145,867,860			145,867,860
Số dư ngày 31/03/2013	16,189,452,947	28,852,222,076	3,304,220,714	306,811,147	48,652,706,884
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2013	9,688,172,508	21,068,483,047	2,366,093,135	292,899,031	33,415,647,721
Khấu hao trong kỳ	117,986,590	433,678,454	49,350,421	2,648,108	603,663,573
Thanh lý, nhượng bán		145,867,860			145,867,860
Số dư ngày 31/03/2013	9,806,159,098	21,356,293,641	2,415,443,556	295,547,139	33,873,443,434
Giá trị còn lại					
Số dư ngày 01/01/2013	6,501,280,439	6,872,444,876	938,127,579	13,912,116	14,325,765,010
Số dư ngày 31/03/2013	6,383,293,849	7,495,928,435	888,777,158	11,264,008	14,779,263,450

(*) Ghi chú:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	<u>01/01/2013</u>		<u>31/03/2013</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
Đầu tư vào Công ty liên kết				
<i>Công ty Cổ Phần Phát Triển Sài Gòn</i>	1,149,810	11,498,100,000	1,149,810	11,498,100,000
Cộng	1,149,810	11,498,100,000	1,149,810	11,498,100,000
Đầu tư dài hạn khác				
Cộng	-	-	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (-)				
Tổng cộng		11,498,100,000		11,498,100,000

059,
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 NAM VIỆT
 11/3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 31/03/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

29. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý			
	31/03/2013	01/01/2013	31/03/2013	01/01/2013		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	29,810,119,015	(5,173,059,184)	37,338,781,319	(5,218,554,184)	24,637,059,831	32,165,722,135
- Phải thu khác	1,585,042,038		1,668,022,158		1,585,042,038	1,978,474,874
đương tiền	1,457,932,641		5,401,944,760		1,457,932,641	13,093,752,421
TỔNG CỘNG	32,853,093,694	(5,173,059,184)	44,408,748,237	(5,218,554,184)	27,680,034,510	47,237,949,430
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	49,171,894,774		56,166,079,819		49,171,894,774	26,693,755,241
- Phải trả người bán	9,652,300,411		11,475,540,652		9,652,300,411	16,820,829,109
- Phải trả khác và chi phí phải trả	3,475,104,010		9,915,697,735		3,475,104,010	11,265,544,817
TỔNG CỘNG	62,299,299,195		77,557,318,206		62,299,299,195	54,780,129,167

